

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương C - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLST- HS ngày 02/8/2024 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị L; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 22 tháng 9 năm 1979 tại tỉnh Bình Định

Nơi cư trú: Số 22 Đặng Thái T, P.Tân T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh

Con ông: Nguyễn Văn Đ (Đã chết), con bà Lê Thị L (Đã chết).

Bị cáo là con thứ 6 trong gia đình có 07 anh em; Bị cáo có chồng là Vũ Long Giang (sinh năm 1971). Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Họ và tên: Buôn Krông Y T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 14 tháng 01 năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Buôn K, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông

Con ông: Y Suiên B (Đã chết), con bà H Nem B (Sinh năm 1976). Hiện đang cư trú tại Buôn Kao, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 02 anh em; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2014, bị C an T phó B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành nộp phạt vào ngày 01/10/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. Họ và tên: Nguyễn Văn H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 29 tháng 10 năm 1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi cư trú: TDP 6, P.Tân L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Văn D (Sinh năm 1973), con bà Phạm Thị T (1976). Hiện cả hai đang cư trú tại TDP 6, P.Tân L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Họ và tên: N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 18 tháng 07 năm 1995 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Buôn C, xã Băng A, huyện Krông A, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông

Con ông: Y Trô Kb (Sinh năm 1952), con bà H Jĩn N (1957). Hiện cả hai đang cư trú tại Buôn C, xã Băng Ad, huyện Krông A, tỉnh Đắk Lắk

Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 04 anh em; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không

Tiền án: **01** tiền án (Bản án số 75/HSPT ngày 07/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên xử N 07 năm 6 tháng tù về tội cướp tài sản; Ngày 25/01/2022, N chấp hành xong hình phạt tù. Hiện bị can chưa được xóa án tích)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Họ và tên: Y Win E; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 19 tháng 04 năm 1995 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Buôn K, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Y Dhan E (Không rõ năm sinh), con bà Phan Thị Á(Đã chết). Hiện đang cư trú tại Buôn K, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 anh em; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

6. Họ và tên: Trần Văn C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 11 tháng 11 năm 2001 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: số 36 A Ma S, P.Tự A, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Trần Văn Đ (Đã chết), con bà Nguyễn Thị Q (Sinh năm 1975). Hiện đang cư trú tại P.Tự A, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1995, hiện cư trú tại P.Thắng L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

7. Họ và tên: Phạm Tiến H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 18 tháng 10 năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: TDP 5, P.Tân T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Phạm Văn N (Đã chết), con bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1960). Hiện đang cư trú tại thôn N, xã Cảnh T, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 02 anh em; Bị cáo chưa có vợ

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2019, bị Tòa án nhân dân T phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên xử 01 năm 06 tháng tù treo, thử thách 03 năm về tội Cố ý gây thương tích, thời điểm này Phạm Tiến H phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Những người bị hại:

- Anh Nguyễn Chí Q, sinh năm 1989

Trú tại: TDP 5, Phường Tân T, T phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 14, xã Ya Tờ M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

(Anh Q và anh H vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị H Lida M, sinh năm 1999

Trú tại: Buôn Ko S, phường Tân L, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L thông qua mối quan hệ xã hội nên có quen biết và cho anh Nguyễn Chí Q (Nguyên là cán bộ tín dụng của Ngân hàng NNo&PTNT chi nhánh Hòa Khánh, đã nghỉ việc), vay số tiền là 1.300.000.000 đồng và cho anh Vũ Xuân H (lao động tự do) vay số tiền là 2.400.000.000 đồng. Sau một thời gian cho vay, khi L đòi nợ thì anh Q và anh H không có tiền trả và né tránh việc trả nợ.

Ngày 16/01/2024, Nguyễn Thị L nghĩ là phụ nữ, đi một mình đường xa không yên tâm nên rủ 06 đối tượng gồm: N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H (những đối tượng trên trước đây có người hiện đang làm thuê cho L, có người trước đây đã làm thuê cho L) cùng đến huyện Ea Súp để tìm anh Q và anh H là người nợ tiền hỏi phương án trả nợ, vì là chỗ quen biết chị em với L nên tất cả những đối tượng trên đồng ý đi cùng L; Nhóm L sử dụng 02 xe ô tô để đi xuống huyện Ea Súp, trong đó Y Win, H và C đi trên 01 xe ô tô bán tải biển số 47C-262.88 (xe do Y Win mượn của vợ chồng em trai là Y LaWie E và H Lida Mlô), những người còn lại đi trên 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 47E-002.68 (xe chạy dịch vụ taxi). Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, nhóm L đến nhà của bà Phạm Thị Y (là mẹ đẻ của anh Vũ Xuân H) tại thôn 10, xã Ya Tờ Môt, huyện Ea Súp nhưng không có anh H ở nhà. Sau đó, L nhờ bà Y (mẹ anh H) gọi điện thoại cho anh H về nhà thì anh H được anh Phan Văn Q (sinh năm 1987, trú tại thôn 14, xã Ya Tờ Môt, huyện Ea Súp) chở về trong tình trạng đã uống rượu. Tại đây, L gặp và yêu cầu anh H trả nợ số tiền 2.400.000.000 đồng nhưng anh H không có tiền để trả. Giữa L và anh H có nói chuyện qua lại to tiếng với nhau, đại ý L nói anh H vì sao vay tiền rồi bỏ trốn, cắt liên lạc, anh H lúc này đang trong tình trạng đã uống rượu cũng nói chuyện to tiếng lại với L. Bức xúc trước thái độ của anh H, đã vay tiền không trả còn to tiếng nên Y Win E dùng tay tát nhẹ vào mặt anh H 01 cái, Nguyễn Văn H dùng chân đá nhẹ 01 cái vào chân anh H để anh H nói chuyện nhỏ lại. Anh H đứng dậy định đánh lại H thì được mọi người can ngăn. Sau đó, L biết anh Q cũng đang ở gần chỗ anh H nên bảo Y Win, Y T, Y Nang và C ở lại giám sát, canh chừng anh H ở khoảng cách gần, có thể kiểm soát được, không để anh H bỏ trốn nữa, còn L cùng với H, H lên xe taxi đi tìm anh Q.

Khi tìm thấy anh Q ở nhà anh Nguyễn Cao Q (Thôn 01, xã Ya T, huyện E) thì L nói tài xế taxi chạy xe qua lại nhà bà Y nói lại với những người này dẫn anh H đến nhà anh Q thì Y Win, Y T, Y Nang, C và anh H đến nhà anh Q. Tại đây, giữa L với anh Q, anh H cũng nói chuyện liên quan đến nợ nần, anh Q cũng đang trong tình trạng đã uống rượu, có to tiếng lại với L đại ý là có mấy tỷ mà làm như mấy chục tỷ. Bức xúc trước thái độ của anh Q, Y Win dùng tay bóp miệng anh Q 01 cái rồi đi ra ngoài, khi anh Q đi vệ sinh thì Y T dùng chân đá nhẹ vào mông Q 01 cái, H dùng tay trái đâm nhẹ 01 cái vào bụng anh Q để anh Q bốt to tiếng. Trong quá trình nói chuyện với L, anh Q đưa ra phương án trả nợ cho L bằng việc anh Q và vợ đang phân chia tài sản chung, sau khi chia xong sẽ trả nợ cho L nhưng L không đồng ý, còn anh H đưa ra phương án trả nợ bằng việc trả dần (trả góp) hàng tháng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nhưng L cũng không đồng ý. Sau đó, anh H và anh Q hỏi vay của một người bạn được 5.000.000 đồng đưa cho L nhưng L không nhận; tại đây, mọi hoạt động của anh H và anh Q đều bị nhóm của L kiểm soát và không cho bỏ trốn được.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 17/01/2024, anh Q và anh H vẫn không có phương án trả nợ thỏa đáng cho L nên lo sợ anh Q và anh H bỏ trốn, L nói đại ý là đã mượn rồi, tất cả ra ngoài thị trấn Ea Súp thuê nhà nghỉ đợi sáng mai giải Q tiếp. Lúc đầu, anh Q và anh H do dự không đi, anh Q nói với L là giao chìa khóa xe ô tô của anh Q (xe này anh Q mượn của một người bạn để đi chơi tại huyện Ea Súp) làm tin nhưng L không đồng ý và nói đại ý là đã tìm được anh H và anh Q thì giờ không để cả hai đi đâu được, trốn thì biết tìm đâu nên anh Q và anh H đồng ý đi cùng, tự lên xe ô tô ngồi, không có ai xô đẩy, kéo người anh Q và anh H lên xe. Tất cả đi lên 02 xe ô tô, trong đó anh Q và anh H ngồi trên xe ô tô taxi, ở hàng ghế sau cùng của xe, Y T, Y Nang, H ngồi hàng ghế giữa, L ngồi ghế đầu cùng tài xế. Xe ô tô còn lại có H, Y Win và C. Khi đến thị trấn Ea Súp, nhóm L xuống ăn đêm còn anh Q và anh H vẫn ngồi ở trên xe. Sau đó đi tìm nhà nghỉ nhưng hết phòng nên tất cả về nhà L tại số nhà 342 - 344 đường Võ Văn K, phường Khánh X, T phố B nghỉ ngơi. Tại nhà L, anh H và anh Q ngủ tại phòng gần sát phòng bếp, những người còn lại trong nhóm L ngủ ở phòng khách bên cạnh và các phòng khác. Sau đó, L khóa cửa cuốn lại, anh H và anh Q muốn di chuyển ra bên ngoài thì chỉ có 01 lối đi duy nhất là pH đi qua vị trí các phòng mà gia đình L ngủ. Đến sáng cùng ngày, L tiếp tục nói chuyện với anh H và anh Q về phương án trả nợ thì anh Q gọi điện thoại cho vợ mình là chị Nguyễn Thị Thùy A xuống nhà L để bàn chuyện phân chia tài sản chung để có tiền trả nợ cho L. Trong lúc vợ chồng anh Q đang ngồi nói chuyện với nhau thì khoảng 11h cùng ngày, C an phường Khánh X, T phố B đến kiểm tra lập biên bản vụ việc.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Ea Súp đã thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88.

Quá trình điều tra, xác định xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88 là của vợ chồng anh Y LaWie E và chị H Liđa M đứng tên chủ sở hữu. Y Win E

mượn xe của vợ chồng em trai mình với mục đích đi chơi; vợ chồng anh Y LaWie E và chị H Lida M không biết bị cáo Y Win E sử dụng xe vào mục đích giữ người nên Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Ea Súp đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Y LaWie E và chị H Lida M, 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88.

Đối với 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 47E-002.68 (xe chạy dịch vụ taxi) của anh Phùng Xuân S là tài xế chạy xe taxi, được Buôn Krông Y T gọi thuê chở người xuống huyện Ea Súp. Không tham gia, không biết các bị cáo thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, nên không thu giữ và xử lý.

Về vấn đề dân sự: Anh Nguyễn Chí Q và anh Vũ Xuân H không yêu cầu.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiên H về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên Q định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đưa ra các tình tiết, giảm nhẹ đối với từng bị cáo.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiên H về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tình từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Y Win E từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Buôn Krông Y T từ 02 năm đến 02 năm 06

tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Tiến H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về biện pháp tư pháp:

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Ea Súp đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Y LaWie E và chị H Liđa Mlô, 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88.

Đối với 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 47E-002.68 (xe chạy dịch vụ taxi) của anh Phùng Xuân Sỹ là tài xế chạy xe taxi, được Buôn Krông Y T gọi thuê chở người xuống huyện Ea Súp. Không tham gia, không biết các bị can thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, nên không thu giữ và xử lý.

Về vấn đề dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại gì. Do đó các hành vi, Q định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại anh Nguyễn Chí Q, anh Vũ Xuân H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H Lida Mlô có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã có đầy đủ lời khai và không ai yêu cầu gì về dân sự. Xét thấy việc vắng mặt của anh Q, anh H và chị H Lida Mlô tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người bị hại cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử căn cứ và khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt đối với anh Q, anh H và chị H Lida Mlô.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Ngày 16/01/2024 và ngày 17/01/2024, các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H đã có hành vi giữ người trái pháp luật anh Nguyễn Chí Q và anh Vũ Xuân H tại nhà của bà Phạm Thị Y (là mẹ đẻ của anh Vũ Xuân H) thuộc thôn 10, xã Ya Tờ Môt, huyện Ea Súp trong khoảng thời gian từ chiều ngày 16/01/2024 đến khoảng 20 giờ ngày 16/01/2024; tại nhà anh Nguyễn Cao Quyền (Thôn 01, xã Ya Tờ Môt, huyện Ea Súp từ khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/01/2024 đến khoảng 01 giờ sáng ngày 17/01/2024; tại số nhà 342 - 344 đường Võ Văn Kiệt, phường Khánh Xuân, T phố B từ khoảng 04 giờ sáng ngày 17/01/2024 đến khi lực lượng C an đến lập biên bản, nhằm yêu cầu anh Nguyễn Chí Q và anh Vũ Xuân H có phương án trả nợ thỏa đáng cho Nguyễn Thị L.

Tất cả các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H tiếp nhận ý chí lẫn nhau và đều tham gia vào quá trình giữ anh H và anh Q, nên đều là người thực hành; các bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản, không yêu cầu và không lấy bất cứ tài sản gì từ các bị hại.

[3] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H đã cấu T tội “*Giữ người trái pháp luật*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Điều 157. Tội giữ người trái pháp luật

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

đ) Đối với 02 người trở lên;

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp về tội danh truy tố, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của C dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho người dân và là nguyên nhân gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, ban đầu các bị cáo chỉ có mục đích tìm anh H và anh Q để bàn về phương án trả nợ, không phân C phân nhiệm vụ, không bàn bạc thỏa thuận với nhau về việc giữ người trái pháp luật, khi tìm được anh H và anh Q, cả hai không có khả năng trả nợ nên các bị cáo đã giám sát, canh chừng, giữ lại không cho anh H và anh Q bỏ trốn để bàn bạc phương án trả nợ. Tại cả 03 địa điểm giữ người, anh H và anh Q không bị trói, còng, cột tay, không bị lấy hay bị chiếm đoạt bất cứ tài sản gì. Tất cả các bị cáo tiếp nhận ý chí lẫn nhau và đều tham gia vào quá trình giữ anh H và anh Q, nên đều là người thực hành.

[6] Xét hành vi của từng bị cáo HĐXX nhận định như sau: Trong vụ án Nguyễn Thị L là người khởi xướng việc và rủ rê các bị cáo khác cùng xuống huyện Ea Súp để tìm anh Q và anh H, sau khi được bị cáo L khởi xướng thì tất cả các bị cáo còn lại đều tiếp nhận ý chí và thực hành tích cực.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N phạm tội mới khi chưa được xóa án tích nên bị cáo PH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[8] tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N, Y Win E, Buôn Krông T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (người dân tộc thiểu số, Y Win E có hoàn cảnh khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 (có chồng được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang do Chủ tịch nước trao tặng), người bị hại anh Vũ Xuân H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương) Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (có giấy chứng nhận hộ nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; Bị cáo Phạm Tiến H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (là gia đình có C với cách mạng ông Phạm Văn Nhúc là bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì) Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương); Bị cáo Nguyễn Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt) Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại, các bị hại nợ bị cáo L một số tiền khá lớn tuy nhiên đến thời hạn trả thì không những không trả mà có thái độ trốn tránh, cắt liên lạc. Khi bị cáo L biết được người bị hại ở huyện Ea Súp thì đã xuống tìm phương án trả nợ nhưng người bị hại không những không có phương án trả nợ mà còn có những lời lẽ bất hợp tác dẫn đến các bị cáo bức xúc và dẫn đến việc phạm tội.

Từ những phân tích nhận định trên xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang sinh sống giám sát giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

Bị cáo N phạm tội mới khi chưa được xóa án tích nên xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng:

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Y LaWie E và chị H Liđa Mlô, 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88 là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 47E-002.68 (xe chạy dịch vụ taxi) của anh Phùng Xuân Sỹ là tài xế chạy xe taxi, được Buôn Krông Y T gọi thuê chở người xuống huyện Ea Súp. Không tham gia, không biết các bị cáo thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, nên không thu giữ và xử lý là phù hợp.

Về vấn đề dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, xử phạt bị cáo N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tình từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2024 đến ngày 26/01/2024.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Y Win E 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Buôn Krông Y T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Tiến H 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách của án treo giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND phường Tân T, T Phố B, tỉnh Đắk Lắk, giao bị cáo Buôn Krông T cho UBND xã Ea Kao, T Phố B, tỉnh Đắk Lắk, giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND phường Tân Lợi, T Phố B, tỉnh Đắk Lắk, giao bị cáo Trần Văn C cho UBND phường Tự An, T Phố B, tỉnh Đắk Lắk, giao bị cáo Phạm Tiến H cho UBND phường Tân T, T Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Y Win E cho UBND xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo cư trú; Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách

nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Q định buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Ea Súp đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Y LaWie E và chị H Lida M, 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 47C-262.88.

Đối với 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 47E-002.68 (xe chạy dịch vụ taxi) của anh Phùng Xuân S là tài xế chạy xe taxi, được Buôn Krông Y T gọi thuê chở người xuống huyện Ea Súp. Không tham gia, không biết các bị cáo thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, nên không thu giữ và xử lý.

Về vấn đề dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L, N, Y Win E, Buôn Krông Y T, Nguyễn Văn H, Trần Văn C, Phạm Tiến H mỗi bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- THA huyện Ea Súp;
- UBND:
- xã Ea T, huyện Cư K; Phường Tân T; xã Ea K; Phường Tân L; Phường Tụ A; TP. B.
- Các bị cáo
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông